

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 252 /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 24/CV-KH ngày 24/7/2025 và Văn bản số 25/CV-KH ngày 30/11/2025 của Hộ bà Văn Thị Kim Hiền về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 937/TTr-SNNMT ngày 25/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Hộ bà Văn Thị Kim Hiền, địa chỉ tại Thôn Long Hưng, xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu vực Dốc Neo, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (nay là xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị).

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: mã số dự án 2485221216 chứng nhận lần đầu ngày 06/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị).

1.4. Mã số thuế: 3200264157.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi lợn công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi khu đất có diện tích 28.840 m². Trong đó:

+ Các hạng mục công trình chính có diện tích 5.434 m², bao gồm: Khu nhà làm việc: 400 m²; Chuồng nái hậu bị - cách ly: 128 m²; Chuồng nái đẻ 1: 1.098m²; Chuồng nái đẻ 2: 756 m²; Chuồng lợn cai sữa: 420 m²; Chuồng lợn thịt 1: 1.220 m²; Chuồng lợn thịt 2: 1.220 m²; Kho vật tư thiết bị, thức ăn: 180 m²; Cổng và khu khử trùng: 12 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ có diện tích 4.527 m², bao gồm: Bể nước: 55 m²; Khu vực nhà nghỉ ca cán bộ công nhân viên: 832 m²; Khu sinh hoạt chung: 360 m²; Sân, đường bê tông nội bộ: 2.420 m²; Cổng và hàng rào khuôn viên (tường gạch cao 2,5m): 860 m².

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường có diện tích 18.879m², bao gồm: Nhà ủ phân: 300 m²; Khu xử lý nước thải: 8.425 m²; Kho chứa chất thải nguy hại, thú y: 10 m²; Quy hoạch khu vực hồ tiêu hủy lợn chết, nhau thai: 375 m²; Cây xanh: 9.769 m².

- Nhóm Dự án: C (phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất sản xuất:

+ Lợn giống: 150 con (03 con/đơn vị vật nuôi, tương đương 50 đơn vị vật nuôi); dùng lợn nội.

+ Lợn con: 1.800 con/lứa, mỗi năm lợn đẻ 2,5 lứa; mỗi lợn nái đẻ 12 con (63 con/đơn vị vật nuôi, tương đương 28,6 đơn vị vật nuôi /lứa).

+ Lợn thịt: 2.000 con/lứa, mỗi năm nuôi 02 lứa (6 con/ đơn vị vật nuôi, tương đương 333,3 đơn vị vật nuôi /lứa).

+ Tổng đàn tương đương 411,9 đơn vị vật nuôi (~412 đơn vị vật nuôi).

- Quy trình công nghệ: Lợn nái ngoại, tinh lợn giống -> Sinh sản -> Lợn con -> Quá trình nuôi -> Lợn hậu bị tái sản xuất hoặc lợn con nuôi thành lợn thương phẩm bán ra thị trường.

Ngoài ra, lợn con giống thương phẩm được nuôi khoảng 03 tháng, sau đó xuất bán cung cấp cho trong vùng và lân cận theo nhu cầu khách hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hộ bà Văn Thị Kim Hiền sau khi được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ bà Văn Thị Kim Hiền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Hộ bà Văn Thị Kim Hiền;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở NN&MT;
- UBND xã Diên Sanh;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 252/GPMT-UBND ngày 31 tháng 1 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của 10 cán bộ công nhân viên;
- Nguồn số 02: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 01;
- Nguồn số 03: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn thịt 02;
- Nguồn số 04: nước thải chăn nuôi từ chuồng nái đẻ 01;
- Nguồn số 05: nước thải chăn nuôi từ chuồng nái đẻ 02;
- Nguồn số 06: nước thải chăn nuôi từ chuồng lợn con.
- Nguồn số 07: nước thải chăn nuôi từ chuồng cách ly.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 02 dòng:

2.1. Nguồn tiếp nhận:

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh (nước thải đen) được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó chảy ra cùng với nước thải xám đổ vào bể lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý được dẫn qua ống xả PVC và tự thoát ra môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

- Dòng thải số 02 (tương ứng với các nguồn 02, 03, 04, 05, 06 và 07): Nước thải ở các chuồng nuôi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là khe nước tự nhiên phía Tây Nam Cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị.

+ Dòng thải số 01: Vị trí xả nước thải sau bể lắng 02 ngăn: Tọa độ: X=1.842.197m; Y = 603.138m.

+ Dòng thải số 02: Vị trí xả nước thải sau khi qua bể khử trùng đổ ra: Tọa độ: X=1.842.059m; Y = 602.971m.

(Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01 (dòng thải số 01): 0,64 m³/ngày đêm, tương đương 0,026 m³/giờ.

- Nguồn số 02, 03, 04, 05, 06 và 07 (dòng thải số 02): 41 m³/ngày đêm, tương đương 1,7 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục trong ngày (24/24h).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

* Ghi chú:

- Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

- K=1,2: áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh có dưới 500 người;

- Dòng thải số 02: Nước thải chăn nuôi sau xử lý của Trang trại đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, Kq=0,9; Kf=1,3). Cụ thể như sau:

Bảng 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,9-9	01 lần/năm	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	175,5		
3	COD	mg/l	351		
4	BOD ₅	mg/l	117		
5	Tổng N	mg/l	175,5		
6	Coliform	MPN/100ml	5000		

Ghi chú:

+ *Cột B*: các thông số ô nhiễm trong nước thải chẵn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ $K_q = 0,9$: nguồn tiếp nhận nước thải là khe suối không có số liệu về lưu lượng;

+ $K_f = 1,3$: lưu lượng thải < 50 m³/ngày đêm.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải đen (nước thải đi vệ sinh) được dẫn theo đường ống riêng biệt PVC xuống bể tự hoại 3 ngăn, thể tích bể 15m³.

- Nước thải xám (Nước thải từ bồn rửa, bệ rửa, phòng tắm, ...) sau khi qua các tấm lược rác được thu gom vào các tuyến ống ngang và ống đứng.

- Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn và nước thải xám được dẫn về bể lắng 02 ngăn để tiếp tục xử lý sau đó tự thoát ra môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở.

- Độ dốc đường ống từ các thiết bị sử dụng nước ra hệ thống ống đứng (nhựa PVC) có độ dốc đảm bảo tự làm sạch.

b. Đối với nước thải sản xuất:

- Nhánh 1: Nước thải từ chuồng nuôi lợn thịt 1, chuồng nuôi lợn thịt 2, chuồng nái đẻ 1 và chuồng nái hậu bị – cách ly được thu gom vào mương bê tông xi măng bố trí xung quanh chuồng, nước thải tự chảy vào hố gom và máy

tách phân sau đó được chảy qua hồ biogas 1 (hiện có) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục kết nối qua Hồ điều hòa kết hợp lắng bằng ống PVC D= 200mm;

- Nhánh 2: Nước thải từ Chuồng nái đẻ 2 và Chuồng lợn con cai sữa được thu gom vào mương bê tông xi măng bố trí xung quanh các dãy chuồng, nước thải tự chảy vào hố ga để gom và lắng cặn sơ bộ sau đó được chảy qua hồ biogas cũ (được cải tạo làm hồ chứa kết hợp lắng) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục kết nối qua Hồ biogas 2 (xây dựng mới) bằng ống PVC D= 200mm, nước thải tiếp tục dẫn qua Hồ điều hòa kết hợp lắng bằng ống PVC D= 200mm (Hồ chung gom nước của Nhánh 1 và Nhánh 2);

- Nhánh chung: Nước thải từ Hồ điều hòa kết hợp lắng tiếp tục được dẫn qua Bể lọc ngầm 1 (lọc ngược) bằng ống PVC D= 140mm sau đó qua hệ ống đục lỗ PVC D= 110mm đặt ở đáy bể; Từ bể lọc ngầm 1 qua Bể lọc ngầm 2 bằng ống PVC D= 140mm sau đó qua hệ ống đục lỗ PVC D= 110mm đặt ở bề mặt bể; Nước thải tiếp tục qua Hồ sinh học và Bể khử trùng bằng ống PVC D= 140mm sau đó thoát ra môi trường là khe suối phía Tây Nam Cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

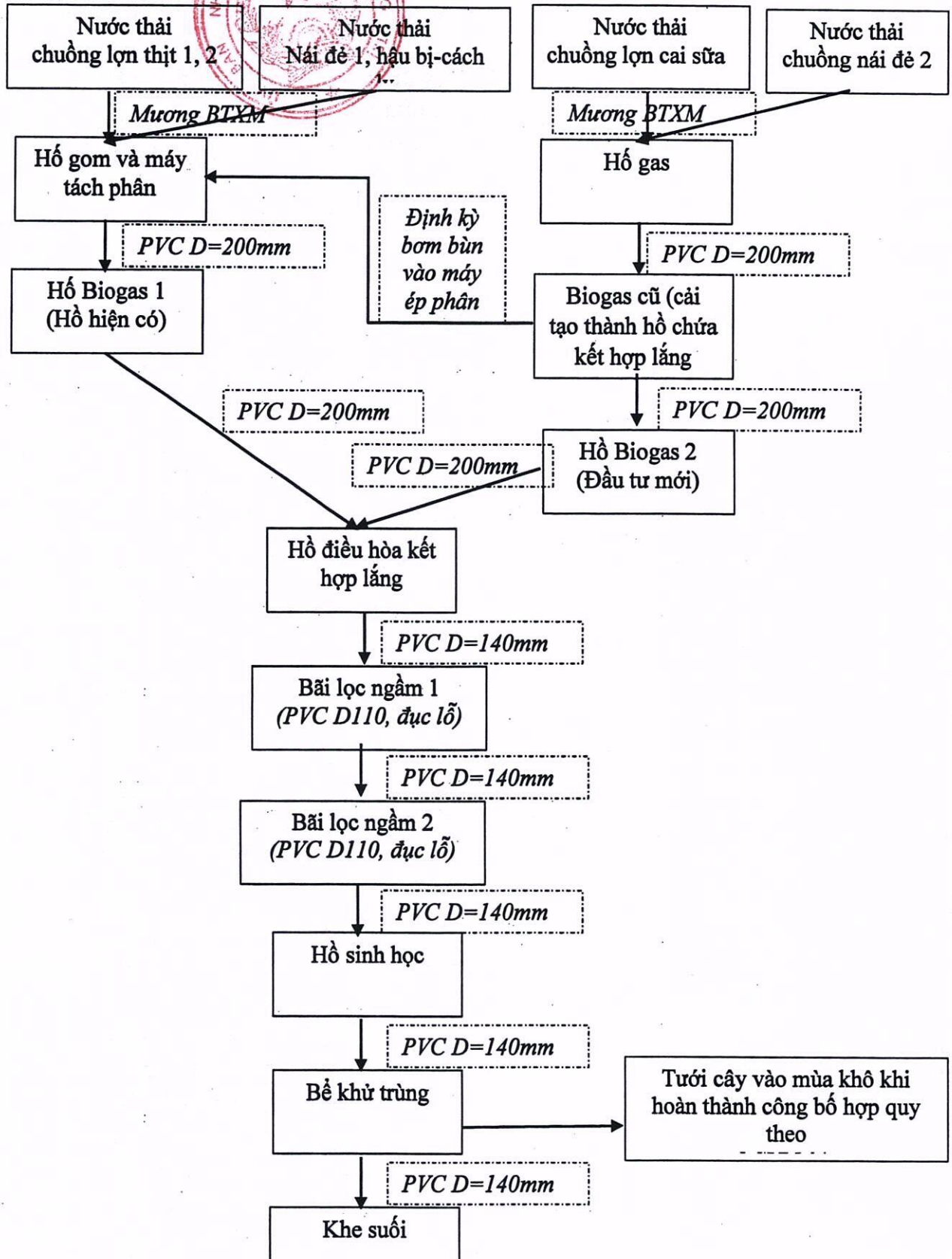
1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Chủ Cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của 10 cán bộ công nhân viên, thể tích bể 15 m³. Nước thải đen sau bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối vào bể lắng lọc 02 ngăn để tiếp tục xử lý chung với nước thải xám.

Nước thải từ hoạt động tắm, rửa 10 cán bộ công nhân viên được dẫn qua song chắn rác rồi dẫn theo ống nhựa UPVC tiếp tục xử lý qua bể lắng 02 ngăn trước khi thoát ra môi trường đất trong khuôn viên Cơ sở. Kích thước các bể như sau:

- Ngăn lắng 1: D_xR_xH = (1,2 x 1 x 1,2) m; Ngăn lắng 2: D_xR_xH = (1,2 x 1 x 1,2) m.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:



Sơ đồ tuyến thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi lợn

- Kích thước các hạng mục:

+ Hầm biogas (hiện có): KT: D x Rx S = (40 x 20 x 5)m; Bạt HDPE: đáy dày 0,5mm và mặt dày 1mm.

+ Hồ biogas cũ (tận dụng làm bể chứa kết hợp lắng): KT: D x Rx S = (44 x 22,5 x 3,5)m; Bạt HDPE: đáy dày 0,5mm và mặt dày 1mm.

+ Hầm biogas (mới): KT: D x Rx S = (38 x 18 x 5) m; Bạt HDPE: đáy dày 0,75mm và mặt dày 1mm.

+ Hồ điều hòa kết hợp lắng: KT: D x Rx S = (31 x 12 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bể lọc ngầm 1 (lọc nghịch): KT: D x Rx S = (22 x 20 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bể lọc ngầm 2 (lọc thuận): KT: D x Rx S = (20 x 20 x 1,5) m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Hồ sinh học: KT: D x Rx S = (35 x 6 x 3)m; Bạt HDPE dày 0,5mm.

+ Bể khử trùng: KT: D x Rx S = (5 x 1,5 x 1,5)m; quy cách bể BTCT, trong lòng bố trí dòng chảy Zích-Zắc, bồn Composite 0,5m³;

+ Hóa chất khử trùng: Chlorin 70% dạng bột, tuần pha 02 lần.

+ Thiết bị: Máy tách phân 01 cái;

- Quy trình vận hành:

+ Do chênh lệch cao trình địa hình tốt nên nước thải được di chuyển qua các công đoạn trong hệ thống theo hình thức tự chảy.

+ Hàng ngày, Công nhân kỹ thuật tổ chức kiểm tra công trình từ công đoạn máy tách phân, các đường ống kết nối từ các công đoạn trong hệ thống, trường hợp thấy tắc nghẽn cần khơi thông ngay; đối với các ống trong bể lọc ngầm, đã bố trí các dây luồn trong ống nên khi phát hiện tắc nghẽn công nhân vận hành chỉ cần kéo dây vài lần sẽ đảm bảo thông suốt.

+ Đối với cỏ vetiver: khi cây phát triển mạnh, cần cắt tỉa, thay thế các cây già cỗi; các tẻ nhỏ sẽ ươm vào bầu giống để lên các bè mảng nhằm tăng cường mật độ trên hồ sinh học.

+ Đối với công tác khử trùng, cần thường xuyên theo dõi các van khóa để duy trì hoạt động ổn định; định kỳ 02 lần/tuần, công nhân vận hành tiến hành pha hóa chất khử trùng vào bồn chứa và điều chỉnh van xả tự chảy vào hồ khử trùng.

+ Giải pháp sau mỗi lần vệ sinh chuồng trại: Lựa chọn công tác vệ sinh chuồng trại sau mỗi lứa nuôi; sau khi dùng nước xịt rửa sạch các chất bẩn trên bề mặt chuồng trại, toàn bộ lượng nước thải được thu gom vào hệ thống xử lý; để bề mặt khô ráo mới phun các hóa chất khử trùng ở dạng phun sương, lúc này dùng van chặn không để nước rò rỉ lẫn hóa chất khử trùng xâm nhập hồ biogas tiêu diệt các vi sinh vật kỵ khí; để chuồng trại trống tối thiểu sau khoảng 1 tuần giữa các lứa nuôi mới thực hiện thả lứa lợn tiếp theo trở lại.

- Hệ thống xử lý nước thải có công suất: 100 m³/ngày đêm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố. Hiện tại đã có 01 hồ chứa kết hợp lắng (tận dụng từ hồ biogas cũ, thời gian lưu 84 ngày), 02 hầm biogas (thời gian lưu 287 ngày), 01 hồ điều hòa kết hợp lắng (thời gian lưu 13 ngày), 02 bể lọc ngầm (thời gian lưu 20 ngày), 01 hồ sinh học (thời gian lưu 15 ngày). Do đó khi có sự cố ở một trong các hạng mục vẫn đảm bảo được công tác lưu trữ, xử lý và có đủ thời gian để Chủ Cơ sở khắc phục sửa chữa các hư hỏng.

- Khi xảy ra sự cố, Chủ Cơ sở cần lưu giữ nước tại các hồ chứa, sau đó nhanh chóng khắc phục sự cố và bơm nước hoàn về bể thu gom để đưa vào xử lý.

- Tiến hành gia cố bờ đê bằng các đê bao để tránh việc tràn nước khi có mưa lớn.

- Tiến hành gia cố mái taluy bằng các cọc tre, cọc bê tông cốt thép để tránh hiện tượng sạt lở.

Ngoài ra, để chống sạt lở cục bộ, Chủ Cơ sở sẽ trồng cỏ ventivơ, cỏ voi dọc các mái taluy trong khuôn viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Đối với Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu: sau 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Thời gian kết thúc: sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm;

- Sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ Cơ sở sẽ gửi thông báo kế hoạch chi tiết tới Sở Nông nghiệp và Môi trường được biết trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Trong đó, nêu rõ thời gian lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu cụ thể như sau: Giai đoạn ổn định (03 ngày liên tục): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 03 mẫu đầu ra (công xả ra khe suối);

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị hoặc Đơn vị khác có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ Cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 252/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến cán bộ công nhân viên và môi trường xung quanh như sau:

- Chuồng trại đã được xây dựng với thiết kế thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Hiện tại, Trang trại có 24 quạt hút kích thước mỗi cái: 1.380×1.380×400mm, công suất quạt hút 1,4mx1,1KWA, sử dụng nguồn điện 3 pha, 380V cho các chuồng nuôi. Với thiết kế chuồng kín, khi quạt gió hoạt động sẽ hút không khí bên trong chuồng ra ngoài tạo ra áp suất âm trong chuồng. Áp suất âm này sẽ hút không khí đi vào trong chuồng thông qua giàn mát. Lượng không khí hút qua quạt gió càng lớn áp suất âm càng tăng và sẽ hút không khí đi vào chuồng qua giàn mát càng nhiều. Do đó có thể điều khiển yếu tố nhiệt độ, độ ẩm trong chuồng nuôi bằng cách điều khiển tốc độ gió hay chính xác hơn là điều khiển công suất làm việc của quạt gió kết hợp với hoạt động của giàn mát ở đầu chuồng và hệ thống làm mát bên trong chuồng (phun sương). Hoạt động của quạt đẩy giúp hút khí thải, mùi bên trong chuồng đẩy ra bên ngoài.

Sau hệ thống quạt hút của tất cả các dãy chuồng, Chủ Cơ sở đã lắp đặt thêm khung thép, giăng lưới xây dựng và hệ thống Bét phun sương nhằm hấp thụ, giảm thiểu một phần bụi, mùi hôi, tránh phát tán đi xa.

- Tại vị trí nhà đặt máy tách phân, Chủ Cơ sở bố trí khung, giăng lưới xây dựng xung quanh để ngăn chặn mùi hôi phát tán, đồng thời kết hợp phun chế phẩm EM với tần suất 5 – 7 ngày/lần để giảm thiểu mùi hôi.

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Cơ sở đã tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực (keo lá tràm và cây ăn quả), diện tích khoảng 50% tổng diện tích Trang trại.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 01 lần/ngày), tiến phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần), cho chế phẩm EM cho thức ăn, nước uống của vật nuôi. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg

thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần.

- Hàm biogas được thiết kế kín hoàn toàn, phía trên được thiết kế lớp phủ bằng bạt HDPE.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho cán bộ công nhân viên: 02 bộ/năm.

- Đối với khí gas từ hàm biogas: Trang trại có lắp đặt van xả khí có đầu xả được lắp đặt bằng inox tại hàm biogas và tiến hành đốt khí xả khí để giảm thiểu mùi hôi. Khí gas được dẫn theo 01 ống nhựa PVC, cuối đường ống có lắp đặt đầu xả inox, đầu xả được dẫn về bếp nấu thức ăn cho lợn hoặc lò đốt để hủy xác các con lợn chết đơn lẻ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định pháp luật.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Đầu tư các hạng mục bổ sung nếu quá trình vận hành các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải không đạt quy chuẩn như đã cam kết (nhất là các giải pháp giảm thiểu mùi hôi từ Trang trại)

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 252/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con lợn có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định của pháp luật.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp
tại xã Diên Sanh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **252**/GPMT-UBND ngày **31** tháng **12** năm **2025**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Trang trại ước tính (dựa trên quy mô các trang trại tương tự) khoảng 5-7kg/tháng và tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhớt thải, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, lợn chết do dịch bệnh,...

TT	CTNH	Mã CTNH	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	1 kg/tháng
2	Hộp mực in	08 02 04	1kg/tháng
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm, dụng cụ mổ,...lợn dịch bệnh) từ thú y thải	13 02 01	03 - 5kg
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y...).	14 01 06	10-12 kg/lứa nuôi
5	Lợn dịch chết		Tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Chất thải rắn sản xuất: bao bì thức ăn khoảng 53 kg/ngày, đây là loại chất thải rắn thông thường, không có yếu tố nguy hại (Mã chất thải: 18 11 01, ký hiệu là TT-R);

- Chất thải rắn là phân thải: lượng phân thải từ các chuồng nuôi khoảng 9.725 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của 10 cán bộ công nhân viên khoảng 5kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải...lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L, lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ với đơn vị có đủ năng lực để thu gom và xử lý định kỳ 01 lần/năm. Chứng từ về quản lý chất thải nguy hại sẽ tích hợp vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm nộp về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo đúng quy định. Hiện nay, Chủ Cơ sở đã ký kết hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại với Công ty CP Cơ – Điện – Môi trường Lilama (Số 01/2025/HĐKT/DSO/HKDVTKH-LLM ngày 07/7/2025).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Đối với bao bì đựng thức ăn: Chủ Cơ sở thu gom lại, buộc chặt lưu kho và bán phế liệu cho các cơ sở có nhu cầu thu mua trên địa bàn xã Diên Sanh.

- Phân thải từ chuồng lợn nái và lợn con được thu gom thủ công đóng bao để vào nhà chứa phân, phân thải ở các chuồng lợn thịt được thu gom cùng với nước thải, sau đó được dẫn về hố thu gom, tại đây sử dụng máy ép phân để tách phân, sau đó phân sẽ được đóng bao, lưu giữ tại nhà chứa phân, một phần được sử dụng để bón cây, phần lớn cho người dân lân cận mang về ủ bón vườn cam, cây công nghiệp.

- Bùn nạo vét từ hầm biogas, hồ lắng, hồ điều hòa sẽ được nạo vét với tần suất khoảng 1 năm/lần. Lượng bùn này khi được hút lên sẽ được đưa đến khu vực máy tách phân, phần bùn thải được ép khô sau đó đóng bao.

- Khi vận chuyển chất thải chăn nuôi ra khỏi Cơ sở chăn nuôi, Chủ Cơ sở sử dụng phương tiện, thiết bị đảm bảo kín khít, không bị tràn đổ, rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Tiến hành nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định đồng thời tiến hành việc phân loại rác tại nguồn. Việc phân loại rác tại nguồn sẽ được tiến hành như sau:

+ Đối với chất thải rắn là các loại vỏ lon, chai nhựa... sẽ được thu gom để riêng và bán phế liệu;

+ Đối với chất thải rắn hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa... sẽ được phân loại và để vào hố ủ phân hữu cơ, sau khi đầy sẽ được chôn lấp.

+ Đối với chất thải rắn còn lại sẽ được thu gom riêng biệt, đặt vào thùng đựng rác và tự chở lên bãi rác tập trung của xã Diên Sanh (do Cơ sở ở gần bãi rác khoảng 2,3km) để đổ thải tần suất 01 tuần/02 lần.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv, số lượng 02 bộ/năm; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

- Sự cố mưa bão: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; Có phương án phòng chống và ứng phó khi mưa bão xảy ra.

- Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,...quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn,...

Đối với chất thải nguy hại là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ Cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của *Văn bản số 561/TY-KH ngày 16/4/2008 của Cục Thú y hướng dẫn về phương pháp tiêu độc khử trùng, tiêu huỷ xác lợn và xử lý sự cố hổ chôn trong vùng có dịch*; thực hiện theo *QCVN 01- 41:2011/BNNT*; Về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu huỷ động vật và sản phẩm động vật; Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT; đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu huỷ đúng quy định.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Quan trắc môi trường nước thải (theo đề xuất của Chủ Cơ sở):

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sau bể khử trùng.

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1,3, Kq=0,9).

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

2. Giám sát chất thải rắn:

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

- Tần suất quan trắc: 1 năm/lần.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại Cơ sở./.